

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi
con giữa chị M với anh X

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp BP, xã BT, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Phú X, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp BP, xã BT, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày:

1. Về hôn nhân: Năm 2003 chị và anh X quen biết, tìm hiểu, yêu thương, rồi tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 07/02/2003.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ ngày 28/3/2019 cho đến nay. Trước đây anh X lấy điện thoại của chị, sau hôm hòa giải anh X đã trả lại cho chị. Ngoài ra, anh X còn có hành vi bạo lực với chị. Gần đây nhất anh X có về nhà đòi quan hệ vợ chồng với chị, do chị sợ nên chị cho quan hệ, quan hệ xong anh X lấy máy chụp hình khỏa thân của chị, rồi gọi điện thoại hăm dọa tung hình lên mạng, chửi hăm dọa tạt a-xít để chị bị tàn phế. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2004 và Huỳnh Nguyễn Phú T, sinh năm 2008. Hiện nay cháu T đang sống chung với anh X, chị đồng ý giao cháu T cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Ng đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Phú X trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh không thống nhất lời trình bày của vợ. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã cải thiện. Anh còn thương vợ con, anh xin thời gian để anh sửa đổi tính tình và năn nỉ thuyết phục vợ, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Anh không thừa nhận có việc chụp hình, đăng hình. Còn việc chửi vợ là nhiều lúc do nóng giận thì mới có những lời lẽ như vậy, nhưng thật tình anh chỉ điện thoại năn nỉ vợ, nhưng do chị chửi rửa cha mẹ anh mà cha mẹ anh đã chết nên anh bức xúc quá, không kìm chế được bản thân nên có những hành động không đúng với vợ. Anh không đồng ý ly hôn vì không muốn con thiếu mẹ hoặc thiếu cha.

2. Về con chung: Hiện cháu Ng đang do chị M nuôi dưỡng, anh yêu cầu cho cháu Ng đến Tòa án để biết được ý kiến của cháu, đồng thời biết được tình trạng hôn nhân của 2 vợ chồng. Còn đối với cháu T hiện anh đang chăm sóc nuôi dưỡng, nếu cháu T muốn sống với anh thì anh nuôi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị M và anh X kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện anh X có hành vi bạo lực, đánh đập, bóp cổ chị M, làm cho chị M hoang mang lo sợ, nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

- Về nuôi con chung: Chị M và anh X có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2004 và Huỳnh Nguyễn Phú T, sinh năm 2008. Anh chị thỏa thuận cháu Ng do chị M chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Ng cũng có nguyện vọng được chung sống với chị M; còn cháu T thì giao cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh X và anh chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên chị M; bản sao giấy khai sinh của T và Ng; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin ly hôn ngày 02/6/2014 có chữ ký đồng ý của anh X; Tờ trình bày nguyện vọng của cháu Ng và cháu T; Bản tự khai của anh X; Biên bản ghi lời khai tại Công an xã BT ngày 12 tháng 4 năm 2019 (04 bản).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M và anh X đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 02, Quyển số 01, ngày 07/02/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh X ghen tuông, đánh đập vợ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm không còn chị M yêu cầu ly hôn. Anh X không đồng ý.

Xét quan hệ hôn nhân của chị M và anh X, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh X đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống anh X thường xuyên có hành vi bạo lực với chị M, điều này đã được anh thừa nhận

trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, do chị M có những lời lẽ xúc phạm đến cha mẹ đã chết của anh, trong việc làm ăn tạo lập kinh tế gia đình chị M cũng tự quyết định không nghe lời khuyên bảo của anh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh chị để hòa giải nhiều lần nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng việc hòa giải đoàn tụ không thành do chị M kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị cho rằng chị không thể sống chung với người có hành vi bạo lực, chứng minh cho yêu cầu của mình chị M cung cấp cho Tòa án biên bản làm việc của Công an xã BT. Tại Công an xã BT anh X khai nhận đã bóp cổ chị M và dùng dao rượt đuổi dọa chém chị M. Qua đó, đã chứng minh anh X có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của chồng đối với vợ theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chị M yêu cầu ly hôn với anh X là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M đối với anh X.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh X có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2004 và Huỳnh Nguyễn Phú T, sinh năm 2008. Anh chị thỏa thuận cháu Ng giao cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Ng cũng có nguyện vọng được chung sống với chị M; còn cháu T thì giao cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh X và anh chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ng cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị M, anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M, anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh M đối với anh Huỳnh Phú X.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M được ly hôn với anh Huỳnh Phú X.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 02, quyển số 01 ngày 07/02/2003 của Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị M và anh X có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2004 và Huỳnh Nguyễn Phú T, sinh năm 2008.

- Giao cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 2004 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu Huỳnh Nguyễn Phú T, sinh năm 2008 cho anh Huỳnh Phú X trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị M, anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M, anh X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số: 0001362 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân xã BT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Khắc Chung Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA